

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ**

~~~\*\*\*~~~

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH  
QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**(Mã ngành: 8340101)**

**Cần Thơ, 2018**

# MỤC LỤC

|        |                                                                                |   |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------|---|
| 1.     | THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....                                  | 1 |
| 1.1.   | Giới thiệu về chương trình đào .....                                           | 1 |
| 1.2.   | Thông tin chung về tên và mã ngành, văn bằng, trình độ, thời gian đào tạo..... | 1 |
| 2.     | MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH .....                                                    | 1 |
| 2.1.   | Tầm nhìn – Sứ mạng – Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tây Đô .....       | 1 |
| 2.1.1. | Tầm nhìn .....                                                                 | 2 |
| 2.1.2. | Sứ mạng .....                                                                  | 2 |
| 2.1.3. | Mục tiêu chiến lược .....                                                      | 2 |
| 2.1.4. | Các giá trị cốt lõi:.....                                                      | 2 |
| 2.1.5. | Triết lý giáo dục.....                                                         | 2 |
| 2.2.   | Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình.....                        | 2 |
| 2.2.1. | Mục tiêu chung .....                                                           | 2 |
| 2.3.   | Mục tiêu cụ thể.....                                                           | 3 |
| 2.3.1. | Về kiến thức:.....                                                             | 3 |
| 2.3.2. | Về kỹ năng:.....                                                               | 3 |
| 2.3.3. | Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....                                            | 3 |
| 3.     | Chuẩn đầu ra.....                                                              | 3 |
| 3.1.   | Về kiến thức .....                                                             | 3 |
| 3.2.   | Kỹ năng.....                                                                   | 4 |
| 3.3.   | Năng lực tự chủ và trách nhiệm .....                                           | 5 |
| 4.     | Vị trí khả năng công tác sau khi tốt nghiệp.....                               | 5 |
| 5.     | Thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp.....           | 6 |
| 5.1.   | Thông tin tuyển sinh .....                                                     | 6 |

|        |                                                                       |    |
|--------|-----------------------------------------------------------------------|----|
| 5.2.   | Quy trình đào tạo .....                                               | 6  |
| 5.3.   | Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp .....                           | 6  |
| 6.     | Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy .....          | 7  |
| 6.1.   | Đội ngũ.....                                                          | 7  |
| 6.2.   | Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy .....                                | 7  |
| 7.     | Chiến lược giảng dạy và học tập .....                                 | 8  |
| 7.1.   | Chuẩn bị của giảng viên.....                                          | 9  |
| 7.2.   | Các phương pháp và chiến lược dạy học .....                           | 9  |
| 7.3.   | Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học .....                           | 10 |
| 8.     | Phương pháp kiểm tra, đánh giá .....                                  | 11 |
| 9.     | Nội dung chương trình .....                                           | 18 |
| 9.1.   | Khối lượng kiến thức toàn khóa.....                                   | 18 |
| 9.2.   | Danh mục các học phần .....                                           | 18 |
| 10.    | Tóm tắt nội dung học phần.....                                        | 23 |
| 10.1.  | Triết học (03TC).....                                                 | 23 |
| 10.2.  | Tiếng Anh (03TC) .....                                                | 23 |
| 10.3.  | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (03TC) .....    | 23 |
| 10.4.  | Luật kinh doanh quốc tế (3TC) .....                                   | 23 |
| 10.5.  | Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị (03TC).....            | 24 |
| 10.6.  | Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong DN (03TC)..... | 24 |
| 10.7.  | Quản trị marketing nâng cao (03TC).....                               | 24 |
| 10.8.  | Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong DN (03TC).....    | 24 |
| 10.9.  | Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (03TC).....                | 25 |
| 10.10. | Quản trị sản xuất dịch vụ (03TC).....                                 | 25 |
| 10.11. | Quản trị chất lượng cao (03TC) .....                                  | 26 |

|        |                                                       |    |
|--------|-------------------------------------------------------|----|
| 10.12. | Quản trị rủi ro.....                                  | 26 |
| 10.13. | Quản trị kinh doanh quốc tế (03TC) .....              | 26 |
| 10.14. | Hành vi tổ chức .....                                 | 26 |
| 10.15. | Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS (03 TC).....              | 27 |
| 10.16. | Quản trị chuỗi cung ứng và logistic (03TC) .....      | 27 |
| 10.17. | Quản trị hệ thống doanh nghiệp (03TC) .....           | 27 |
| 10.18. | Quản trị sự thay đổi (03TC).....                      | 28 |
| 10.19. | Quản trị xung đột (03TC).....                         | 28 |
| 10.20. | Nghiên cứu marketing (03TC) .....                     | 28 |
| 10.21. | Quản trị ngân hàng hiện đại (03TC) .....              | 28 |
| 10.22. | Tâm lí và nghệ thuật lãnh đạo (03TC) .....            | 29 |
| 10.23. | Quản trị khủng hoảng (03TC).....                      | 29 |
| 10.24. | Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty (03TC) ..... | 29 |
| 10.25. | Nhượng quyền thương mại (03TC).....                   | 29 |
| 10.26. | Phân tích định lượng trong kinh doanh (03TC) .....    | 30 |
| 11.    | So sánh chương trình đào tạo .....                    | 30 |
| 12.    | Phê duyệt chương trình đào tạo.....                   | 31 |

# **1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

## **1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo (CTĐT)**

CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành QTKD được điều chỉnh năm 2018 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành QTKD năm 2018 được kế thừa từ các phiên bản CTĐT trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành QTKD được xây dựng theo *định hướng ứng dụng*.

Học viên được đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành QTKD các kiến thức, kỹ năng và thái độ về khoa học, kỹ thuật công nghệ và nghề nghiệp, để trở thành một thạc sĩ có chất lượng cao và đảm trách được các công việc trong lĩnh vực QTKD.

## **1.2. Thông tin chung về tên và mã ngành, văn bằng, trình độ, thời gian đào tạo**

Tên chương trình (tiếng Việt): Quản trị kinh doanh

Tên chương trình (tiếng Anh):

Mã ngành: **8340101**

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tây Đô

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Trình độ: Thạc sĩ

Thời gian: 02 năm (kéo dài không quá 04 năm).

# **2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

## **2.1. Tầm nhìn – Sứ mạng – Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Tây Đô**

Trường ĐHTĐ được thành lập theo Quyết định số 54/2006/QĐ-TTg ngày 09/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ, là trường ĐH tư thục đầu tiên ở ĐBSCL. Trụ sở của Trường đặt tại số 68 Trần Chiên, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

### **2.1.1. Tầm nhìn**

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thực đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng. Phấn đấu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

### **2.1.2. Sứ mạng**

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

### **2.1.3. Mục tiêu chiến lược**

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

### **2.1.4. Các giá trị cốt lõi:**

*Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới*

### **2.1.5. Triết lý giáo dục**

*- Học suốt đời để làm việc suốt đời*

*- Thực học - Thực nghiệp*

## **2.2. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của chương trình**

### **2.2.1. Mục tiêu chung**

CTĐT thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị và nâng cao các kiến thức, kỹ năng về quản trị cho các chuyên gia quản lý hoạt động trong các lĩnh vực: quản lý, nghiên cứu, giảng dạy. Sau khi hoàn tất chương trình, người học đạt được các chuẩn đầu ra về: kiến thức, có đủ năng lực, tự tin và khả năng giải quyết một cách khoa học các vấn đề quản trị trong các doanh nghiệp, các tổ chức và các cơ quan nhà nước, có khả năng khởi nghiệp, và nghiên cứu, giảng dạy các kiến thức chuyên ngành ở các trường Trung cấp, cao đẳng và đại học.

## **2.3. Mục tiêu cụ thể**

### **2.3.1. Về kiến thức:**

- Giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo;

- Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;

- Có trình độ ngoại ngữ, tin học để ứng dụng các phần mềm hiện đại phục vụ nghiên cứu, tính toán và tối ưu các giải pháp trong thực tiễn sản xuất;

### **2.3.2. Về kỹ năng:**

- Có khả năng sáng tạo, nhanh chóng giải quyết được các công việc phức tạp không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh;

- Có kỹ năng độc lập hoặc phối hợp với các chuyên gia để nghiên cứu, ứng dụng, đề xuất, triển khai và thực hiện các vấn đề đáp ứng yêu cầu thực tiễn;

- Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch;

- Có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao;

- Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ;

### **2.3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực nghiên cứu, tự trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội, tổ chức, đồng nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

## **3. CHUẨN ĐẦU RA**

### **3.1. Về kiến thức**

**\* Kiến thức chung:**

K1. Nắm được các kiến thức cơ bản về triết học Mác - Lê nin, về phương pháp luận nghiên cứu khoa học nói chung và chuyên ngành nói riêng.

K2. Có thể sử dụng tốt một ngoại ngữ như tiếng Anh, ở trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu.

**\* Kiến thức cơ sở ngành:**

K3 Nắm vững có hệ thống các khái niệm, các quan hệ và qui luật phát triển của khối kiến thức cơ sở ngành ở mức độ nâng cao như Kinh tế học quản lý, Khoa học quản trị.

**\* Kiến thức chuyên ngành:**

K4 Nắm vững có hệ thống và hiểu sâu sắc các kiến thức thuộc lĩnh vực chuyên ngành Quản trị Kinh doanh.

### **3.2. Kỹ năng**

Sau khi tốt nghiệp, học viên đạt được các kỹ năng:

**\* Kỹ năng chuyên ngành:**

S5. Phân tích và nghiên cứu để xử lý các nghiệp vụ phát sinh trong thực tiễn công tác tại doanh nghiệp có liên quan tới lĩnh vực hoạt động tổ chức, sản xuất, kinh doanh, nhân sự... của doanh nghiệp, nhằm điều hành, kiểm soát doanh nghiệp một cách tốt nhất.

S6. Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, dự báo và trình bày thông tin một cách độc lập phục vụ việc tổ chức các hoạt động của doanh nghiệp.

S7. Có kiến thức đa dạng và phong phú về kinh tế để áp dụng, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp phát triển. Xây dựng chiến lược kinh doanh để cạnh tranh với các doanh nghiệp.

S8. Có khả năng đưa ra được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật.

S9. Hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.

**\* Kỹ năng mềm**

S10. Linh hoạt và sáng tạo trong việc lên ý tưởng kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ cụ thể được giao tại đơn vị công tác từ những công việc như nhân viên kinh doanh đến quản trị bộ phận hoặc quản trị doanh nghiệp.



S11. Khả năng tư duy, sáng tạo, tổ chức công việc được giao để làm việc độc lập tại doanh nghiệp.

S12. Khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm, phát triển nhóm để thực hiện những công việc được giao tại doanh nghiệp một cách hiệu quả.

S13. Tìm kiếm đối tác và thị trường để thực hiện và mở rộng mục tiêu của doanh nghiệp.

S14. Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, khách hàng của doanh nghiệp; đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác và khách hàng mà vẫn đảm bảo được lợi ích của doanh nghiệp.

S15. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### **3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

C16. Tuân thủ chấp hành các chính sách và pháp luật của Nhà nước.

C17. Có trách nhiệm với công việc, xã hội và môi trường.

C18. Có lối sống lành mạnh, trung thành với doanh nghiệp

C19. Chăm chỉ, nhiệt tình, say mê và tâm huyết với công việc.

C20. Chủ động, trung thực và luôn luôn có ý thức trong việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

C21. Linh hoạt, khéo léo, tinh tế trong việc xử lý các tình huống nhân sự.

C22. Hỗ trợ công việc và chia sẻ thông tin với đồng nghiệp.

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá CTĐT. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

## **4. VỊ TRÍ KHẢ NĂNG CÔNG TÁC SAU KHI TỐT NGHIỆP**

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô, học viên có đủ năng lực chuyên môn để đảm nhiệm những công việc sau:

- Quản trị, các hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp hoặc một bộ phận, một lĩnh vực doanh nghiệp.

- Trưởng thành nhanh, có thể đảm nhiệm chức vụ giám đốc trong doanh nghiệp:  
Giám đốc kinh doanh, Giám đốc sản xuất, Giám đốc nhân sự...

- Tự khởi nghiệp doanh nghiệp của mình.
- Nghiên cứu, hoạch định và xây dựng chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu viên và giảng viên trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, các trường Trung cấp, Cao đẳng và Đại học.

## **5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **5.1. Thông tin tuyển sinh**

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo, hướng dẫn của Trường Đại học Tây Đô (<https://tdu.edu.vn/tuyen-sinh>).

- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp Đại học.
- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

### **5.2. Quy trình đào tạo**

Quy chế đào tạo Nhà trường sử dụng là Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường ban hành trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nhằm tạo điều kiện để học viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện.

CTĐT được thiết kế 04 học kỳ tương ứng với 02 năm học, gồm 60 tín chỉ. Thời gian học tập tối đa là 04 năm. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 16 tuần học, 02 tuần dự trữ, 2 tuần thi.

### **5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Học viên đã tích lũy đủ số tín chỉ trong thời gian quy định trong CTĐT trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh; bảo vệ thành công luận văn tốt nghiệp và đáp ứng được các điều kiện tốt nghiệp bậc thạc sĩ theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban

hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, sẽ được cấp bằng: **Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh.**

## **6. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY**

### **6.1. Đội ngũ**

*Bảng 1: Tổng số CB- GV-CNV gồm 59 người*

| <b>STT</b> | <b>HỌC HÀM HỌC VỊ</b> | <b>SỐ LƯỢNG</b> |
|------------|-----------------------|-----------------|
| 1          | GS.TS                 | 1               |
| 2          | PGS.TS                | 5               |
| 3          | TS                    | 28              |
| 4          | ThS                   | 21              |
| 5          | Kỹ sư                 | 1               |
| Tổng cộng  |                       | 56              |

### **6.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

Trường hiện có khối Nhà học chính có kết cấu 01 trệt 05 lầu và Nhà học chữ U có kết cấu 01 trệt ba lầu, cùng 03 dãy phòng học khu tầng trệt với tổng diện tích sử dụng hơn 59.000m<sup>2</sup>, tổng cộng có hơn 100 phòng học đáp ứng nhu cầu học tập cho hơn 10.000 sinh viên, học sinh đang theo học tại Trường. Trường còn có Hội trường Lớn với hơn 700 chỗ ngồi. Đặc biệt, Trường Đại học Tây Đô còn có một hệ thống phòng học được thiết kế phù hợp với việc giảng dạy Cao học và Nghiên cứu sinh.

*Bảng 2: Các phòng làm việc, phòng học và Hội thảo*

| <b>TT</b> | <b>TÊN PHÒNG</b>                         | <b>Số lượng</b> | <b>Vị trí</b> |
|-----------|------------------------------------------|-----------------|---------------|
| 1         | Phòng làm việc của cán bộ, giảng viên    | 03              | Nhà F         |
| 2         | Phòng học dành riêng cho các lớp cao học | 08              | Nhà F         |

*Bảng 3: Thiết bị phục vụ cho đào tạo trình độ thạc sĩ*

| Số TT | Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu                                                 | Nước sản xuất, năm sản xuất | Số lượng | Tên HP sử dụng thiết bị |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------|-------------------------|
| 1     | Máy tính để bàn                                                                    |                             | 05       | Các học phần            |
| 2     | Máy quay phim                                                                      |                             | 01       | Các học phần            |
| 3     | Projector Panasonic PT-LB80NTEA<br>Máy chiếu Panasonic 150 lumen<br>Model PT LP 75 | Malaysia                    | 10       | Các học phần            |
| 4     | Máy photocopy Toshiba, Ricoh                                                       | Nhật, 2008                  | 0<br>6   | Các học phần            |

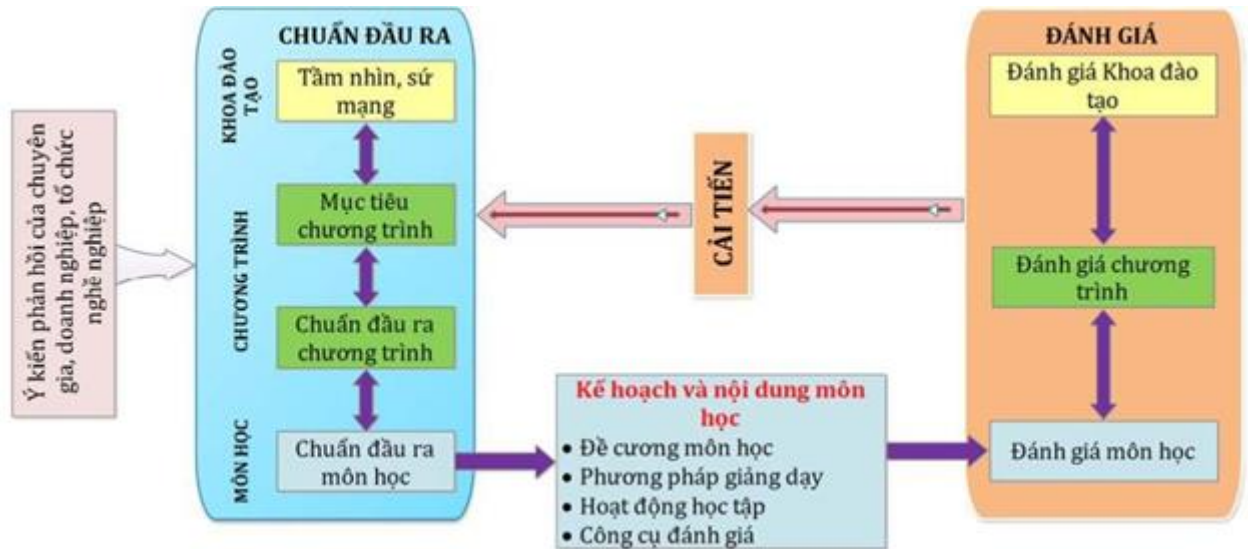
## 7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

- Chiến lược giảng dạy và học tập của trình độ thạc sĩ QTKD tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT. Dựa trên chuẩn đầu ra này để xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần, tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

- Mỗi khóa đào tạo, Khoa Đào tạo Sau đại học phối hợp với Khoa Quản trị kinh doanh để lên kế hoạch giảng dạy cụ thể cho các công việc:

- + Kế hoạch giảng dạy cho toàn khóa, năm học và từng học kì;
- + Sinh hoạt đầu khóa và tổ chức Lễ Khai giảng cho khóa học;

- + Kế hoạch triển khai thâm định tên đề tài, phân công CB hướng dẫn;
- + Kế hoạch bảo vệ đề cương chi tiết của luận văn cho học viên;
- + Kế hoạch bảo vệ luận văn tốt nghiệp;
- + Kế hoạch xét tốt nghiệp và tổ chức Lễ Trao bằng Thạc sĩ.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ thạc sĩ QTKD

Từ cơ sở trên để tiến hành thực hiện các hoạt động sau:

### 7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy học phần trong CTĐT trình độ thạc sĩ QTKD đều được trang bị những phương pháp và hình thức dạy học khác nhau.

Trên cơ sở nắm bắt đặc điểm của học viên, giảng viên sẽ sử dụng phương pháp và hình thức dạy học phù hợp với đối tượng và từng hoàn cảnh cụ thể.

Hiểu rõ về điều kiện, môi trường học tập của học viên để linh hoạt trong quá trình thực hiện hoạt động giảng dạy.

### 7.2. Các phương pháp và chiến lược dạy học

**Giảng viên** trên cơ sở nội dung của học phần và đặc điểm của học viên để sử dụng phối hợp linh hoạt các phương pháp sau:

- Phương pháp diễn giảng tích cực

- Phương pháp vấn đáp
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp dự án

Cùng với nhiều hình thức dạy học khác như: thảo luận nhóm, thuyết trình, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu theo vấn đề.

**Học viên** cần thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm.
- Thực hiện thuyết trình.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

*Bảng 3: Chiến lược và phát triển giảng dạy*

| <b>Chiến lược giảng dạy</b> | <b>Mô tả</b>                                                                                                                                                                                             | <b>Phương pháp giảng dạy</b>                                                                                                                                             |
|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giảng dạy trực tiếp         | Đa số các học phần là lí thuyết nên học viên đều được giảng viên giao bài tập, hướng dẫn cách phát hiện và giải quyết vấn đề.                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diễn giảng tích cực</li> <li>- Nêu vấn đề</li> <li>- Vấn đáp</li> </ul>                                                         |
| Giảng dạy gián tiếp         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu vấn đề, tìm kiếm ý tưởng.</li> <li>- Hướng dẫn học viên nghiên cứu khoa học, thực hiện luận văn tốt nghiệp.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu vấn đề, tình huống</li> <li>- Giải quyết vấn đề</li> <li>- Trải nghiệm thực tế</li> <li>- Thảo luận, định hướng.</li> </ul> |

### **7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học**

- CTĐT được rà soát định kỳ 2 năm /1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.

- Có nhiều hình thức hỗ trợ học viên thực hiện tốt nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng trong quá trình dạy học.

- Các giảng viên tham gia giảng dạy học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp có những hình thức đề trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy và hướng dẫn để tự nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

- Hàng năm Khoa đều phối hợp với Trung tâm ĐBCL lấy ý kiến phản hồi của học viên về chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức, tác phong của giảng viên.

- Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

## **8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

### **8.1. Đánh giá học phần**

Phương pháp đánh giá học viên dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình và học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính chính xác, khách quan trong suốt quá trình học tập của học viên. Các hình thức đánh giá được sử dụng bao gồm:

| <b>TT</b> | <b>Điểm thành phần</b>                      | <b>Quy định</b>                                                   | <b>Trọng số</b> |
|-----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1         | Điểm chuyên cần                             | Đảm bảo 90% số tiết học trên lớp.                                 | 10%             |
| 2         | Điểm bài tập nhóm                           | Thực hiện 100% bài tập được giao                                  | 10%             |
| 3         | Điểm thuyết trình                           | - Tham gia nhóm thuyết trình.<br>- Phát hiện và giải quyết vấn đề | 10%             |
| 4         | Điểm tham gia trao đổi, thảo luận trên lớp. | - Tham gia 100% số giờ<br>- Chủ động<br>- khả năng phản biện      | 10%             |
| 5         | Điểm thi kết thúc học phần                  | Thi tự luận ( 90 phút)                                            | 60%             |

**Lưu ý:** Việc phân định trọng số đánh giá trên mang tính định hướng. Do vậy, trong quá trình đánh giá, giảng viên có thể có sự thay đổi tỉ lệ nói trên và thông báo cho học viên và Khoa đào tạo.

Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình sau:



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá học viên

## 8.2. Rubric đánh giá học phần

### 8.2.1. Rubric – Đánh giá điểm chuyên cần

#### RUBRIC – ĐÁNH GIÁ ĐIỂM CHUYÊN CẦN

Họ và tên học viên: .....Lớp.....MSHV: .....

Học phần: .....

| TT | Tiêu chí đánh giá                                      | Trọng số | Điểm đánh giá |
|----|--------------------------------------------------------|----------|---------------|
| 1  | Tham dự 100% số tiết học                               | 100%     | <b>10</b>     |
| 2  | Tham dự 90% số tiết học                                | 90%      | <b>9,0</b>    |
| 3  | Tham dự 75% số tiết học và số tiết vắng có xin phép GV | 80%      | <b>8,0</b>    |
| 4  | Tham dự 70% số tiết học và số tiết vắng có xin phép GV | 50%      | <b>5,0</b>    |
| 5  | Tham dự dưới 70% số tiết học                           | 0,0%     | <b>0,0</b>    |

Cần Thơ, ngày....tháng....năm 20.....

Giảng viên đánh giá

(ký tên và ghi rõ họ tên)



### 8.2.2. Rubric – Đánh giá thảo luận nhóm

## RUBRIC – THẢO LUẬN NHÓM

Họ và tên học viên: ..... Lớp: ..... MSHV:

.....

Nhóm thảo luận: .....

Vấn đề thảo luận: .....

Học phần: .....

| TT | Tiêu chí đánh giá                                          | Điểm tối đa | Điểm đánh giá |
|----|------------------------------------------------------------|-------------|---------------|
| 1  | Có mặt trong giờ thảo luận                                 | 1,0         |               |
| 2  | Ghi chép ý kiến của các thành viên trong nhóm              | 1,0         |               |
| 3  | Thăng thản trao đổi với các thành viên trong nhóm          | 1,0         |               |
| 4  | Tham gia thảo luận với tinh thần hợp tác, học hỏi          | 1,0         |               |
| 5  | Nắm bắt được vấn đề thảo luận                              | 1,0         |               |
| 6  | Có cách tiếp cận mới, sáng tạo về vấn đề thảo luận         | 2,0         |               |
| 7  | Trình bày một cách thuyết phục ý kiến của mình             | 2,0         |               |
| 8  | Bảo vệ được quan điểm của mình về vấn đề thảo luận         | 1,0         |               |
|    | <b>Tổng điểm đánh giá: 1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 =</b> | <b>10,0</b> |               |

Cần Thơ, ngày....tháng....năm 20.....

Giảng viên đánh giá

(ký tên và ghi rõ họ tên)

### 8.2.3. Rubric – Đánh giá thuyết trình

#### RUBRIC – ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Họ và tên học viên: ..... Lớp..... MSHV: .....

Tên chuyên đề: .....

Học phần: .....

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí đánh giá</b>                                                                                        | <b>Điểm tối đa</b> | <b>Kết quả đánh giá</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hình thức thuyết trình</b>                                                                                   | <b>2,0</b>         |                         |
| 1.1       | Ngôn ngữ và giọng thuyết trình                                                                                  | 1,0                |                         |
| 1.2       | Tư thế báo cáo                                                                                                  | 0,5                |                         |
| 1.3       | Thái độ và sự biểu cảm                                                                                          | 0,5                |                         |
| <b>2</b>  | <b>Nội dung</b>                                                                                                 | <b>6,0</b>         |                         |
| 2.1       | Đáp ứng yêu cầu chung về khoa học của vấn đề được báo cáo.                                                      | 2,0                |                         |
| 2.2       | Trình bày và luận giải một cách chặt chẽ chính xác các nội dung báo cáo.                                        | 2,0                |                         |
| 2.3       | Nêu ra được những nét mới và ý tưởng khoa học cho vấn đề báo cáo.                                               | 2,0                |                         |
| <b>3</b>  | Cấu trúc, hình ảnh và phong chữ của Powerpoint<br>( <i>Tính hệ thống, tính thẩm mỹ và có sức hấp dẫn, ...</i> ) | <b>1,0</b>         |                         |
| <b>4</b>  | Trao đổi, đối thoại ( <i>Thể hiện sự tin, rõ ràng, cụ thể và văn hóa trong đối thoại</i> )                      | <b>1,0</b>         |                         |
|           | <b>Tổng điểm đánh giá: 1 + 2 + 3 + 4 =</b>                                                                      | <b>10,0</b>        |                         |

Cần Thơ, ngày....tháng....năm 20.....

**Giảng viên đánh giá**

(*ký tên và ghi rõ họ tên*)

#### 8.2.4. Rubric – Đánh giá thi kết thúc học phần

### RUBRIC – ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THI CUỐI HỌC PHẦN

Họ và tên học viên/ Mã phách: ..... Lớp.....MSHV: .....

Học phần: .....

| TT       | Tiêu chí đánh giá                                     | Điểm tối đa | Kết quả đánh giá |
|----------|-------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| <b>1</b> | <b>Hình thức</b>                                      | <b>2,0</b>  |                  |
| 1.1      | Chữ viết rõ ràng, ít tẩy xóa                          | 1,0         |                  |
| 1.2      | Cách trình bày hợp lí và cách lập luận chặt chẽ       | 1,0         |                  |
| <b>2</b> | <b>Nội dung (Đánh giá dựa theo thang Bloom)</b>       | <b>8,0</b>  |                  |
| 2.1      | Nhớ và hiểu được kiến thức của học phần               | 3,5         |                  |
| 2.2      | Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề đặt ra | 1,5         |                  |
| 2.3      | Phân tích, kiến giải vấn đề một cách khoa học         | 1,0         |                  |
| 2.4      | Rút ra được kết luận khoa học về vấn đề đặt ra        | 1,0         |                  |
| 2.5      | Sự sáng tạo trong cách nhìn và giải quyết vấn đề      | 1,0         |                  |
|          | <b>Tổng điểm đánh giá: 1 + 2 =</b>                    | <b>10,0</b> |                  |

Cần Thơ, ngày....tháng....năm 20.....

**Giảng viên đánh giá**

(ký tên và ghi rõ họ tên)

#### **Ghi chú:**

Trên cơ sở của rubric này, giảng viên sẽ xây dựng đáp án và thang điểm cho học phần cụ thể.

**8.2.5. Rubric – Đánh giá tiểu luận kết thúc học phần**

**RUBRIC – ĐÁNH GIÁ ĐIỂM TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN**

Họ và tên học viên: ..... Lớp:..... MSHV: .....

Tên tiểu luận: .....

Học phần: .....

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí đánh giá</b>                                                                                                                                                                                                        | <b>Điểm tối đa</b> | <b>Kết quả đánh giá</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|
| <b>1</b>  | <b>Hình thức</b> ( <i>Đúng quy định về hình thức trình bày; không sai sót về lỗi văn bản; ...</i> )                                                                                                                             | <b>1,0</b>         |                         |
| <b>2</b>  | <b>Nội dung tiểu luận</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>9,0</b>         |                         |
| 2.1       | Tổng quan: <i>Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu; lược khảo tài liệu liên quan; mục tiêu; đối tượng; phạm vi; phương pháp; ý nghĩa;..</i>                                                                                       | 2,0                |                         |
| 2.2       | Cơ sở lí thuyết và cơ sở thực tiễn: <i>Các lí thuyết; các mô hình nghiên cứu, chọn lựa nghiên cứu đề tài; tổng quát nơi nghiên cứu; thông tin thực tiễn liên quan; các nghiên cứu trước; mô hình; phương pháp; quy trình...</i> | 1,5                |                         |
| 2.3       | Kết quả nghiên cứu: <i>Thu thập dữ liệu; phân tích xử lí; đánh giá và thảo luận kết quả; giải pháp; ...</i>                                                                                                                     | 3,0                |                         |
| 2.4       | Kết luận và kiến nghị (hàm ý Quản trị)                                                                                                                                                                                          | 1,5                |                         |
|           | <b>Tổng điểm đánh giá: 1 + 2 =</b>                                                                                                                                                                                              | <b>10</b>          |                         |

Cần Thơ, ngày....tháng....năm 20.....

**Giảng viên đánh giá**

(ký tên và ghi rõ họ tên)

### 8.3. Rubric - Đánh giá luận văn tốt nghiệp

## PHIẾU ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Họ và tên học viên:

MSHV:

Tên luận văn:

Chuyên ngành:

Người đánh giá:

Chức danh trong Hội đồng:

| TT  | Tiêu chí đánh giá                                                                                                                                                                      | Điểm tối đa | Kết quả đánh giá |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 1   | Hình thức trình bày luận văn                                                                                                                                                           | 0,5         |                  |
| 2   | Nội dung luận văn                                                                                                                                                                      | 7,5         |                  |
| 2.1 | <b>Tổng quan:</b> Sự cần thiết của vấn đề nghiên cứu; lược khảo tài liệu liên quan; mục tiêu; đối tượng; phạm vi; phương pháp; ý nghĩa;..                                              | 1,5         |                  |
| 2.2 | <b>Cơ sở lí thuyết và cơ sở thực tiễn:</b> Các lí thuyết; các mô hình nghiên cứu, mô hình chọn lựa nghiên cứu đề tài; thông tin thực tiễn liên quan; các nghiên cứu trước; mô hình;... | 1,5         |                  |
| 2.3 | <b>Kết quả nghiên cứu:</b> Thu thập dữ liệu; phân tích xử lí; đánh giá và thảo luận kết quả; giải pháp;...Đặc biệt là đóng góp mới có tính sáng tạo của Luận văn;...                   | 4,0         |                  |
| 2.4 | <b>Kết luận và kiến nghị</b>                                                                                                                                                           | 0,5         |                  |
| 3   | Công trình khoa học đã công bố gắn với nội dung của luận văn                                                                                                                           | 1,0         |                  |
| 4   | <b>Bảo vệ</b>                                                                                                                                                                          | 1,0         |                  |
|     | <b>Tổng điểm đánh giá: 1 + 2 + 3 + 4</b>                                                                                                                                               | <b>10,0</b> |                  |

Cần Thơ, ngày....tháng....năm 20

Giảng viên đánh giá

(ký tên và ghi rõ họ tên)

## 9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 9.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh gồm: 60 TC. Chương trình gồm những học phần chung, học phần cơ sở và học phần chuyên ngành bắt buộc và tự chọn được cấu trúc như sau:

| TT               | Cấu trúc chương trình                 | Khối lượng (TC) | Tỷ lệ (%)  |
|------------------|---------------------------------------|-----------------|------------|
| 1                | Kiến thức chung                       | 6               | 10         |
| 2                | Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành | 39              | 65         |
| 3                | Luận văn tốt nghiệp                   | 15              | 25         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                       | <b>60</b>       | <b>100</b> |

### 9.2. Danh mục các học phần

| Mã                                                               |         | Tên học phần                                   | Khối lượng (TC) |           |         |
|------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------|
| Phần chữ                                                         | Phần số |                                                | Tổng số         | Lí thuyết | Bài tập |
| <b>Phần 1: Kiến thức chung (6 TC)</b>                            |         |                                                |                 |           |         |
| QKTH                                                             | 501     | Triết học                                      | 3               | 2         | 1       |
| QKAV                                                             | 502     | Ngoại ngữ (Anh văn)                            | 3               | 2         | 1       |
| <b>Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc ( 21 TC)</b> |         |                                                |                 |           |         |
| QKPP                                                             | 503     | Phương pháp luận NCKH trong kinh doanh         | 3               | 2         | 1       |
| QKLQ                                                             | 504     | Luật kinh doanh quốc tế                        | 3               | 2         | 1       |
| QKTC                                                             | 505     | Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị | 3               | 3         | 1       |

|                                                                                     |     |                                                                     |           |   |   |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|---|---|
| QKNL                                                                                | 506 | Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp | 3         | 2 | 1 |
| QKMK                                                                                | 507 | Quản trị marketing nâng cao                                         | 3         | 2 | 1 |
| QKCK                                                                                | 508 | Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp    | 3         | 2 | 1 |
| QKĐĐ                                                                                | 509 | Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp                          | 3         | 2 | 1 |
| <b>Phần 3 : Kiến thức chuyên ngành tự chọn<br/>(18 TC - chọn trong 17 học phần)</b> |     |                                                                     |           |   |   |
| QKQT                                                                                | 510 | Quản trị sản xuất dịch vụ                                           | 3         | 2 | 1 |
| QKCL                                                                                | 511 | Quản trị chất lượng cao                                             | 3         | 2 | 1 |
| QKRR                                                                                | 512 | Quản trị rủi ro                                                     | 3         | 2 | 1 |
| QKQT                                                                                | 513 | Quản trị kinh doanh quốc tế                                         | 3         | 2 | 1 |
| QKHT                                                                                | 514 | Hành vi tổ chức                                                     | 3         | 2 | 1 |
| QKĐL                                                                                | 515 | Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS                                         | 3         | 2 | 1 |
| QKCC                                                                                | 516 | Quản trị chuỗi cung ứng và logistic                                 | 3         | 2 | 1 |
| QKPT                                                                                | 517 | Quản trị hệ thống doanh nghiệp                                      | 3         | 2 | 1 |
| QKTĐ                                                                                | 518 | Quản trị sự thay đổi                                                | 3         | 2 | 1 |
| QKVH                                                                                | 519 | Quản trị xung đột                                                   | 3         | 2 | 1 |
| QKNM                                                                                | 520 | Nghiên cứu marketing                                                | 3         | 2 | 1 |
| QKNH                                                                                | 521 | Quản trị ngân hàng hiện đại                                         | 3         | 2 | 1 |
| QKHT                                                                                | 522 | Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo                                       | 3         | 2 | 1 |
| QKQK                                                                                | 523 | Quản trị khủng hoảng                                                | 3         | 2 | 1 |
| QKTS                                                                                | 524 | Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty                            | 3         | 2 | 1 |
| QKTM                                                                                | 525 | Nhượng quyền thương mại                                             | 3         | 2 | 1 |
| QKĐL                                                                                | 526 | Phân tích định lượng trong kinh doanh                               | 3         | 2 | 1 |
| <b>Phần 4: Luận văn tốt nghiệp</b>                                                  |     |                                                                     | <b>15</b> |   |   |
| QKLV                                                                                | 527 | Luận văn tốt nghiệp                                                 | 15        |   |   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                    |     |                                                                     | <b>60</b> |   |   |

**MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN-CHUẨN ĐẦU RA CTĐT TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÓA 7**

| Stt | Tên học phần                                                        | Chuẩn đầu ra  |    |    |    |                      |    |    |    |    |             |     |     |     |     |     |                           |     |     |     |     |     |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------|----|----|----|----------------------|----|----|----|----|-------------|-----|-----|-----|-----|-----|---------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|     |                                                                     | Kiến thức (K) |    |    |    | Kỹ năng (S)          |    |    |    |    |             |     |     |     |     |     | Tự chủ và trách nhiệm (C) |     |     |     |     |     |     |
|     |                                                                     |               |    |    |    | Kỹ năng chuyên ngành |    |    |    |    | Kỹ năng mềm |     |     |     |     |     |                           |     |     |     |     |     |     |
|     |                                                                     | K1            | K2 | K3 | K4 | S5                   | S6 | S7 | S8 | S9 | S10         | S11 | S12 | S13 | S14 | S15 | C16                       | C17 | C18 | C19 | C20 | C21 | C22 |
| 1   | Triết học                                                           | X             |    |    |    |                      |    |    |    |    |             |     |     |     |     |     |                           |     |     |     |     |     |     |
| 2   | Anh văn                                                             |               | X  |    |    |                      |    |    |    |    |             |     |     |     |     |     |                           |     |     |     |     |     |     |
| 3   | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh doanh               |               |    | X  |    |                      |    |    |    |    |             |     |     |     |     |     |                           |     |     |     |     |     |     |
| 4   | Luật kinh doanh quốc tế                                             |               |    |    |    |                      |    |    |    |    |             |     |     |     |     |     | X                         | X   |     |     |     |     |     |
| 5   | Quản trị tài chính và Kế toán cho cấp quản trị                      |               |    |    |    | X                    |    | X  | X  | X  | X           |     |     |     |     |     |                           |     |     |     |     |     |     |
| 6   | Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp |               |    |    |    | X                    |    | X  |    | X  | X           |     |     |     |     |     |                           | X   | X   | X   | X   | X   | X   |
| 7   | Quản trị marketing nâng cao                                         |               |    |    |    | X                    |    | X  |    | X  | X           |     |     | X   | X   |     |                           |     |     |     |     |     |     |
| 8   | Chiến lược và các mô hình quản trị chiến                            |               |    |    |    | X                    |    | X  |    | X  | X           |     |     | X   |     |     |                           |     |     |     |     |     |     |



|    |                                                     |  |  |  |  |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|----|-----------------------------------------------------|--|--|--|--|---|---|---|---|---|---|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
|    | lược trong<br>doanh nghiệp                          |  |  |  |  |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 9  | Đạo đức kinh<br>doanh và văn<br>hóa doanh<br>nghiệp |  |  |  |  |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   | X | X | X | X | X | X |   |
| 10 | Quản trị sản<br>xuất dịch vụ                        |  |  |  |  | X |   | X | X | X |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 11 | Quản trị chất<br>lượng cao                          |  |  |  |  | X |   | X |   | X | X |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 12 | Quản trị rủi ro                                     |  |  |  |  | X |   | X | X | X |   |   |  |   | X |   |   |   |   |   | X |   |
| 13 | Quản trị kinh<br>doanh quốc tế                      |  |  |  |  | X |   | X |   | X | X |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 14 | Hành vi tổ chức                                     |  |  |  |  | X |   |   |   |   | X |   |  |   |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 15 | Xử lý dữ liệu<br>phần mềm SPSS                      |  |  |  |  | X | X |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 16 | Quản trị chuỗi<br>cung ứng và<br>Logistic           |  |  |  |  | X |   | X |   | X | X |   |  | X |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 17 | Quản trị hệ<br>thống doanh<br>nghiệp                |  |  |  |  | X |   | X | X | X | X |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 18 | Quản trị sự thay<br>đổi                             |  |  |  |  | X |   |   | X | X | X | X |  |   | X |   |   |   |   |   | X |   |
| 19 | Quản trị xung<br>đột                                |  |  |  |  | X |   |   | X | X | X |   |  |   | X |   |   |   |   |   | X |   |
| 20 | Nghiên cứu<br>marketing                             |  |  |  |  |   | X |   |   |   |   |   |  | X |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 21 | Quản trị ngân<br>hàng hiện đại                      |  |  |  |  | X |   | X |   | X | X |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 22 | Tâm lý và nghệ<br>thuật lãnh đạo                    |  |  |  |  |   |   |   |   |   |   |   |  |   |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 23 | Quản trị khủng<br>hoàng                             |  |  |  |  | X |   |   |   | X | X |   |  |   | X |   |   |   |   |   |   |   |

|    |                                          |  |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |   |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
|----|------------------------------------------|--|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|---|--|--|--|--|--|--|--|---|--|
| 24 | Tái cấu trúc sáp nhập và mua lại công ty |  |   |   |   | X |   |   | X |   |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
| 25 | Nhượng quyền thương mại                  |  |   |   |   |   |   | X | X |   |  |  | X |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
| 26 | Phân tích định lượng trong kinh doanh    |  |   |   |   | X | X |   |   |   |  |  |   |  |  |  |  |  |  |  |   |  |
| 27 | Luận văn tốt nghiệp                      |  | X | X | X | X | X | X | X | X |  |  |   |  |  |  |  |  |  |  | X |  |

## **10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN**

### **10.1. Triết học (03TC)**

Trong học phần này học viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lịch sử triết học, về các chuyên đề của triết học Mác-Lênin bao gồm: Khái lược triết học và lịch sử triết học; Triết học Mác-Lênin cơ sở lý luận của thế giới quan và phương pháp luận khoa học; Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong triết học Mác-Lênin; Lý luận hình thái kinh tế - xã hội và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Giai cấp, dân tộc, nhân loại và vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay; Quan điểm triết học Mác-Lênin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay.

### **10.2. Tiếng Anh (03TC)**

Anh văn chuyên ngành Quản trị kinh doanh là một trong những môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức chung của chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Môn học giúp học viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về từ vựng sử dụng trong chuyên ngành loại hình doanh nghiệp, cấu trúc công ty, cách tạo động lực cho nhân viên, công tác tuyển dụng và xin việc bằng tiếng Anh và có thể giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh.

### **10.3. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong kinh doanh (03TC)**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về qui trình thực hiện đề tài khoa học định tính và định lượng. Người học cũng được cung cấp các kiến thức về : cách xác định đề tài nghiên cứu, cách thực thực hiện, mô hình nghiên cứu, các biến, thang đo, phiếu khảo sát, xây dựng đề cương, trình bày luận văn.... Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức trên để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học từ đó có thái độ tích cực hơn với những nghiên cứu khoa học.

### **10.4. Luật kinh doanh quốc tế (3TC)**

Với môn học này, học viên sẽ được trang bị các kiến thức về:

- Những vấn đề chung về luật kinh doanh quốc tế
- Bối cảnh thể chế và kinh tế của hệ thống thương mại quốc tế và phân tích các cơ hội và thách thức trong kinh doanh quốc tế

- Các vấn đề pháp lý về đầu tư trực tiếp nước ngoài
- Hợp đồng trong kinh doanh quốc tế
- Vấn đề phá sản có yếu tố quốc tế
- Phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế

### **10.5. Quản trị Tài chính và kế toán cho cấp quản trị (03TC)**

Học phần hình thành tri thức cho người học những kiến thức về quản trị tài sản, quản trị nợ và quản trị các vấn đề về tài chính trong doanh nghiệp.

Trên cơ sở những thông tin kế toán quản trị, người học sử dụng các phương pháp phân tích phù hợp, để đánh giá trách nhiệm của các bộ phận trong tổ chức trong từng thời kỳ quản trị nhất định.

### **10.6. Lý thuyết và các mô hình quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp (03TC)**

Mục tiêu của học phần này là phát triển khả năng của người học trong việc ứng dụng kiến thức quản trị nhân sự để thu hút, xây dựng, sử dụng, phát triển, đánh giá và bảo toàn lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu của tổ chức cả về mặt số lượng và chất lượng.

Học phần đề cập đến các nội dung về vai trò và tầm quan trọng của quản trị nhân sự, sự phân chia trách nhiệm nhân sự trong tổ chức, phân tích công việc, kế hoạch hóa nguồn nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo, đãi ngộ, tuyển dụng và tạo động lực trong lao động.

### **10.7. Quản trị marketing nâng cao (03TC)**

- Giới thiệu những triết lý kinh doanh hiện đại để tham gia vào kinh tế thị trường
- Cung cấp một số khái niệm về Quản trị Marketing
- Giúp người học biết cách phân tích thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu
- Hiểu và triển khai chiến lược Marketing thông qua 4 công cụ của Marketing mix: - Sản phẩm, giá, phân phối, Xúc tiến.

### **10.8. Chiến lược và các mô hình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp (03TC)**

Mục tiêu của học phần là cung cấp những kiến thức cơ bản và có hệ thống về Quản trị chiến lược, giúp cho người học có thể phân tích, đánh giá và đưa ra những

giải pháp cho các vấn đề chiến lược trong doanh nghiệp, giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng nó trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những nội dung chủ yếu bao gồm: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; Mục tiêu sứ mạng của doanh nghiệp; Mô hình quản trị chiến lược của doanh nghiệp (hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát, điều chỉnh chiến lược của doanh nghiệp trên cơ sở phân tích về môi trường kinh doanh bên ngoài và bên trong của doanh nghiệp); Các chiến lược kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp; Các chiến lược cạnh tranh và chiến lược trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

### **10.9. Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (03TC)**

Học phần sẽ cung cấp cho học viên cao học các kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp. Bắt đầu từ các khái niệm, giảng viên sẽ chuyển tải nội hàm đạo đức trong kinh doanh và cấu trúc của văn hóa doanh nghiệp. Học phần này cũng cung cấp các đánh giá về vai trò đạo đức và văn hóa trong kinh doanh, cách thức nghiên cứu khám phá vấn đề này ở một tổ chức. Học phần sẽ cung cấp cách thức xây dựng bộ chuẩn mực về đạo đức kinh doanh và bộ tài liệu văn hóa của một tổ chức.

### **10.10. Quản trị sản xuất dịch vụ (03TC)**

Khái niệm sản xuất chỉ các hoạt động tác nghiệp để chuyển đổi các yếu tố đầu vào thành các yếu tố đầu ra là sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu xã hội. Với vị trí và chức năng cốt lõi trong một đơn vị tổ chức nên quản trị sản xuất là một trong những môn học bắt buộc đối với học viên chuyên ngành quản trị kinh doanh và là vấn đề mà các tổ chức kinh tế luôn đặt ra yêu cầu phát triển cho đơn vị mình. Học phần quản trị sản xuất sẽ chủ yếu tập trung vào 3 phần gồm: (1) Giới thiệu tổng quan về quản trị sản xuất; (2) Thiết kế hệ thống sản xuất & dịch vụ và (3) Vận hành hệ thống sản xuất.

Để chuyển tải nội dung trên, các kiến thức cơ bản, thiết thực và gần gũi sẽ được trình bày với các minh họa dựa trên các tình huống thực tế có liên quan để chuyển tải

nội dung đến sinh viên. Ngoài ra, các các bài tập thực hành và bài tập nhóm sẽ giúp sinh viên tiếp cận kiến thức môn học được thuận lợi.

#### **10.11. Quản trị chất lượng cao (03TC)**

Học phần trình bày tầm quan trọng của chất lượng và công tác quản lý chất lượng trong một tổ chức, một doanh nghiệp.

Chỉ ra được bản chất và những nguyên tắc cơ bản khi xây dựng một Hệ thống quản trị chất lượng theo những yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015

Phân tích những yếu tố căn bản và quy trình xây dựng, vận hành, quản lí chất lượng trong DN theo các tiêu chuẩn ISO 9001, để hội nhập quốc tế thành công.

#### **10.12. Quản trị rủi ro**

Quản trị rủi ro: là một hoạt động cần thiết không chỉ cho giới kinh doanh mà cho cả các lãnh vực đời sống bình thường. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các doanh nghiệp giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tài chính, rủi ro trong thâm định và quản trị dự án, rủi ro tỉ giá, rủi ro trong đầu tư...

#### **10.13. Quản trị kinh doanh quốc tế (03TC)**

Nội dung học phần gồm 3 chương sẽ trang bị cho người những kiến thức chủ yếu về phân tích chiến lược kinh doanh toàn cầu và quản lý hoạt động kinh doanh xuyên quốc gia. Cụ thể, các kiến thức này tập trung vào các khái niệm cơ bản về kinh doanh quốc tế, môi trường kinh doanh quốc tế, và chiến lược kinh doanh quốc tế thay vì chỉ tập trung vào khía cạnh quản lý chiến lược kinh doanh xuyên biên giới và quản lý nhân sự trong môi trường đa văn hóa theo mô hình công ty mẹ và công ty con. Đồng thời, học viên còn được tiếp cận với nhiều tình huống thực tế (cases) nhằm hướng đến hoàn thiện cả về tư duy quản lý và thực hành kinh doanh trong thực tiễn.

#### **10.14. Hành vi tổ chức**

Học phần quản trị hành vi tổ chức bao gồm những nội dung kiến thức về hành vi con người trên ba cấp độ trong một thể thống nhất: cá nhân, nhóm và tổ chức. Tìm

hiểu các yếu tố liên quan đến cấp độ cá nhân như đặc tính tiêu sử, tính cách, nhận thức, học tập, giá trị, thái độ, sự thỏa mãn đối với công việc đã ảnh hưởng như thế nào đến các hành vi trong tổ chức. Giải thích được những ảnh hưởng của các biến trong cấp độ nhóm đến kết quả công việc và sự hài lòng của nhóm. Nêu lên những tác động của văn hóa tổ chức đến những hành vi con người trong tổ chức.

#### **10.15. Xử lý dữ liệu phần mềm SPSS (03 TC)**

Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết để vận dụng các công cụ thông tin vào công việc nghiên cứu marketing của Doanh nghiệp, thiết kế và tổ chức xử lý và quản lý dữ liệu cho các hoạt động nghiên cứu thị trường phục vụ cho tiến trình ra quyết định của doanh nghiệp. Hiểu rõ và biết cách tiến hành thu thập, tổ chức, thu mẫu ước lượng các thống kê mô tả, kiểm định giả thuyết và phân tích các dữ liệu, từ đó rút ra được các kết luận đúng đắn giúp cho các quyết định và lập các kế hoạch phù hợp cho từng trường hợp cụ thể trong thực tế.

#### **10.16. Quản trị chuỗi cung ứng và logistic (03TC)**

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng và logistic, những kỹ năng cần thiết để ứng dụng quản trị chuỗi cung ứng và logistic vào trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Cấu trúc học phần bao gồm:

Chương 1: Tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng.

Chương 2: Các quy trình chuỗi cung ứng: Hoạch định và thu mua.

Chương 3: Các quy trình chuỗi cung ứng: Sản xuất và phân phối.

Chương 4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong chuỗi cung ứng.

Chương 5: Hệ thống đo lường hiệu suất hoạt động chuỗi cung ứng.

Chương 6: Xây dựng hệ thống chuỗi cung ứng

#### **10.17. Quản trị hệ thống doanh nghiệp (03TC)**

Chuyên đề này nhằm trang bị cho học viên nhận diện quy trình cốt lõi của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xây dựng các quy chuẩn đặc thù phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Các quy chuẩn phải được xây dựng thành hệ thống để cải thiện hiệu suất làm việc của toàn doanh nghiệp. Kết thúc chuyên đề học viên sẽ sử dụng được những kỹ thuật trong xây dựng mục tiêu doanh nghiệp, cấu trúc doanh nghiệp và mô tả các quy trình vận hành doanh nghiệp. Chủ đề được thảo luận bao

gồm: (1) Tổng quan về phát triển hệ thống; (1) Quy trình phát triển hệ thống; (3) Cấu trúc doanh nghiệp; (4) Hoạch định tổng thể doanh nghiệp; (5) Quy trình phát triển hệ thống; (6) Quản lý thực hiện hệ thống và (7) Quản trị hiệu quả công việc.

#### **10.18. Quản trị sự thay đổi (03TC)**

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cần thiết về sự thay đổi như: hình thức thay đổi, loại thay đổi những áp lực khiến cho tổ chức phải thay đổi... Người học cũng được cung cấp các kiến thức về những mô hình quản trị sự thay đổi, quy trình quản trị sự thay đổi, những phản ứng của các cá nhân trong tổ chức trước những thay đổi. Từ đó, người học sẽ có thể vận dụng các kiến thức về quản trị sự thay đổi để lập được kế hoạch cho sự thay đổi, theo dõi, kiểm soát quá trình thay đổi, đưa ra những biện pháp xử lý những phản ứng của con người trước thay đổi trong tổ chức để đảm bảo hiệu quả cho tổ chức trong quá trình thay đổi. Môn học cũng giúp cho người học nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị sự thay đổi từ đó có thái độ tích cực hơn với những thay đổi trong cuộc sống.

#### **10.19. Quản trị xung đột (03TC)**

Học phần quản trị xung đột cung cấp kiến thức về nguồn gốc và bản chất của từng loại xung đột trong tổ chức; Biết cách vận dụng quy trình quản trị xung đột và các kỹ thuật xử lý từng loại xung đột trong tổ chức; Và giúp người học nhận diện được các yêu cầu về đạo đức trong công tác quản trị xung đột trong tổ chức.

#### **10.20. Nghiên cứu marketing (03TC)**

Trang bị kiến thức, phương pháp thực hiện nghiên cứu marketing. Nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của việc công tác nghiên cứu marketing trong hoạt động marketing và kinh doanh của doanh nghiệp. Học viên vận dụng và thực hiện được công tác nghiên cứu marketing trong thực tiễn. Đảm nhận các công việc liên quan đến hoạch định – thực hiện các dự án nghiên cứu marketing. Tư duy, nhìn nhận và giải quyết vấn đề mang tính khoa học. Hình thành và phát triển khả năng làm việc độc lập, tự chủ, năng động, sáng tạo, chịu khó.

#### **10.21. Quản trị ngân hàng hiện đại (03TC)**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các mảng quản trị trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại. Sau khi học xong học phần này người



học ngoài được tiếp tục củng cố vững toàn diện hơn về cách hoạch định – tổ chức – kiểm soát trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng để có đủ kỹ năng công tác tại các ngân hàng thương mại hiện nay

#### **10.22. Tâm lí và nghệ thuật lãnh đạo (03TC)**

Học phần này trang bị kiến thức về lãnh đạo bao gồm những nội dung chủ yếu: bản chất của quyền lực, lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, tầm nhìn, các phương pháp giải quyết vấn đề cũng như văn hóa, đạo đức và các phẩm chất của nhà lãnh đạo. Cung cấp kiến thức về nghệ thuật lãnh đạo trong hoạt động tuyển dụng, bố trí nhân sự phù hợp, đánh giá phê bình, động viên nhân viên, giải quyết khéo léo các xung đột trong tổ chức. Học phần này cũng trang bị cho học viên kỹ năng làm chủ các tình huống trong quản trị, nền tảng để lãnh đạo doanh nghiệp.

#### **10.23. Quản trị khủng hoảng (03TC)**

Khủng hoảng truyền thông là quá trình mà theo đó một tổ chức có thể đối mặt với các sự kiện, các vấn đề đôi khi không thể đoán trước, qua đó đe dọa và gây tổn hại đến tổ chức, các bên liên quan hoặc giới công chúng. Học phần quản trị khủng hoảng cung cấp những kiến thức cơ bản về khủng hoảng và các biện pháp, kỹ thuật xử lý khủng hoảng. Học viên sẽ áp dụng kiến thức và kỹ năng để xây dựng kế hoạch quản lý khủng hoảng và chiến lược truyền thông cho một tổ chức.

#### **10.24. Tái cấu trúc sát nhập và mua lại công ty (03TC)**

Học phần này cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hiện tái cấu trúc và sát nhập, để đáp ứng nhu cầu mới và sự phát triển của thị trường. Ngoài ra học phần còn cung cấp kiến thức quản trị sát nhập công ty và tái cấu trúc khi mua lại sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

#### **10.25. Nhượng quyền thương mại (03TC)**

Một lĩnh vực mới mẻ nhưng đầy tiềm năng phát triển đã xuất hiện tại Việt Nam và đang ngày càng phát triển đó là hình thức kinh doanh nhượng quyền thương mại. Nhượng quyền thương mại là cách để tăng sức mạnh cho các thương hiệu Việt Nam và cũng chính là cách tốt nhất để quảng bá cũng như tạo nội lực cho thương hiệu đó và cũng là một việc làm khôn ngoan cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời kỳ hội nhập.

## 10.26. Phân tích định lượng trong kinh doanh (03TC)

Chuyên đề này nhằm trang bị cho học viên năng lực phân tích dữ liệu nghiên cứu với phần mềm thống kê SPSS. Kết thúc chuyên đề học viên sẽ sử dụng được những công cụ phổ biến của SPSS phục vụ cho việc phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế - kinh doanh và đặc biệt ứng dụng thực hiện luận văn thạc sỹ Quản trị kinh doanh, trong đó chú trọng đến phân biệt và sử dụng các công cụ thống kê thích hợp với điều kiện dữ liệu đang có, đọc hiểu kết quả kết xuất từ máy tính.

Chủ đề được thảo luận bao gồm:

- ✓ SPSS cài đặt và ứng dụng
- ✓ Mã hóa dữ liệu (data coding)
- ✓ Dò tìm lỗi số liệu (data screening)
- ✓ Thống kê mô tả định tính (frequencies statistics)
- ✓ Thống kê mô tả định lượng (descriptives statistics)
- ✓ Đo lường độ tin cậy thang đo (cronbach alpha)
- ✓ Đo lường phân tích nhân tố (factor analysis)
- ✓ Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến (multiple regression)
- ✓ Dò tìm giả định hồi quy (Regression assumption violation)
- ✓ Giải thích mô hình (model explanation)
- ✓ Đề xuất hàm ý quản trị (managerial implications).

## 11. SO SÁNH CTĐT

CTĐT trình độ thạc sỹ chuyên ngành QTKD của Trường Đại học Tây Đô được đối sánh với một số CTĐT trình độ thạc sỹ cùng chuyên ngành của các trường Đại học khác như: Trường Đại học Cần Thơ; Trường Đại học Tài chính – Marketing, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Benedictine ([www.ben.edu](http://www.ben.edu)) tại Lisle, Chicago, Illinois, Mỹ. Trên cơ sở đó để đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình, cụ thể là:

Bảng 5. Bảng so sánh CTĐT

| Mô tả                                          | ĐH Tây Đô |             | ĐH Cần Thơ |             | ĐH Tài chính – Marketing TP. HCM |             | ĐH Kinh tế TP. HCM |             | Đại học Benedictine (Mĩ) |             |
|------------------------------------------------|-----------|-------------|------------|-------------|----------------------------------|-------------|--------------------|-------------|--------------------------|-------------|
|                                                | Tín chỉ   | Tỷ lệ (%)   | Tín chỉ    | Tỷ lệ (%)   | Tín chỉ                          | Tỷ lệ (%)   | Tín chỉ            | Tỷ lệ (%)   | Tín chỉ                  | Tỷ lệ (%)   |
| Kiến thức chung                                | 6         | 10%         | 4          | 7%          | 9                                | 15%         | 9                  | 15%         | 0                        | 0%          |
| Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành bắt buộc | 21        | 35%         | 23         | 38%         | 20                               | 33,3%       | 20                 | 33,3%       | 52                       | 81,25%      |
| Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tự chọn  | 18        | 30%         | 18         | 30%         | 21                               | 35%         | 21                 | 35%         | 12                       | 18,75%      |
| Luận văn tốt nghiệp                            | 15        | 25%         | 15         | 25%         | 10                               | 16,7%       | 10                 | 16,7%       | 0                        | 0%          |
| <b>Tổng cộng</b>                               | <b>60</b> | <b>100%</b> | <b>60</b>  | <b>100%</b> | <b>60</b>                        | <b>100%</b> | <b>60</b>          | <b>100%</b> | <b>64</b>                | <b>100%</b> |

Bảng so sánh cho thấy, các CTĐT trình độ thạc sĩ chuyên ngành QTKD của các Trường Đại học trong nước nói trên có số tín chỉ cho các nhóm kiến thức phù hợp với yêu cầu về chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Với Trường Đại học Cần Thơ, ở khối kiến thức chung, về kiến thức ngoại ngữ, học viên có thể nộp chứng chỉ B1 của các cơ sở đào tạo mà Bộ cho phép, hoặc tham gia học phần ngoại ngữ do trường tổ chức riêng cho học viên theo quy định. Với Đại học Benedictine (Mĩ), học viên không học kiến thức chung và không làm luận văn tốt nghiệp.

## 12. PHÊ DUYỆT CTĐT

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô.

*Cần Thơ, ngày tháng năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA  
ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC**

**TRƯỞNG KHOA  
QUẢN TRỊ KINH DOANH**

PGS.TS. Trần Công Luận

PGS.TS. Phan Văn Thơm

PGS.TS. Đào Duy Huân